

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

(23)

T. Thuận

A: 51
H: 00

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 51

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122100224	Trương Thị Ngọc	Ánh	02/11/2004	CCQ2210G	Anh	7,6	8.0	7,8	
2	2120070003	Diệp Hoàng	Chí	20/10/2001	CCQ2007A	Chi	6,7	6.8	6,8	
3	2122170710	Mai Lê Văn	Cương	16/08/2004	CCQ2217R	Quang	8,0	7.6	7,8	
4	2121170176	Trần Minh	Đăng	16/09/2003	CCQ2117F	Dang	7,0	3.6	5,0	
5	2122200190	Nguyễn Thị Oai	Danh	08/09/2004	CCQ2220F	Danh	9,9	7.5	8,5	
6	2122170544	Nguyễn Phạm Tiến	Đạt	13/09/2004	CCQ2217N	Da	7,5	6.6	7,0	
7	2122100249	Phạm Thị	Dung	28/04/2004	CCQ2210H	Dung	7,9	6.5	7,1	
8	2122040013	Đặng Thanh	Duy	24/09/2004	CCQ2204A	Duy	8,7	7.4	7,9	
9	2122050033	Phạm Đức	Hào	25/08/2004	CCQ2203F	Hai	9,0	8.1	8,5	
10	2121120607	Trần Thanh	Hào	19/03/2003	CCQ2112R		0,0			
11	2122170136	Thái Trung	Hiếu	28/09/2004	CCQ2217D	Hieu	8,1	4.7	6,1	
12	2122260124	Trần Trọng	Hiếu	10/01/2003	CCQ2226A	Tran	9,8	8.3	8,9	
13	2121030147	Nguyễn Hùng	Hòa	22/12/2003	CCQ2103C	Hoa	9,6	8.3	8,8	
14	2122030170	Nguyễn Trương	Hoàng	17/11/2004	CCQ2203E	Huy	8,9	6.4	7,4	
15	2122030214	Phan Hữu	Hợp	10/04/2004	CCQ2203E	Hu	8,3	8.0	8,1	
16	2122130091	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	10/06/2004	CCQ2213C	myhu	8,6	8.1	8,3	
17	2121170169	Nguyễn Quyền	Huy	09/06/2003	CCQ2117E	Hu	7,9	7.0	7,4	
18	2121200005	Phạm Hoàng	Huy	15/09/2003	CCQ2120A	Hu	8,4	6.0	7,0	
19	2121110229	Trương Hoàng	Lâm	28/06/2003	CCQ2111G	Lam	8,3	8.7	8,5	
20	2122130031	Võ Thị Mỹ	Lệ	24/01/2004	CCQ2213B	Le	7,1	7.7	7,5	
21	2122120403	Đặng Thị Ngọc	Linh	11/02/2004	CCQ2212L	Lin	8,4	6.2	7,1	
22	2121210023	Trương Hồ Mỹ	Linh	23/02/2003	CCQ2121A	linh	8,5	5.8	6,9	
23	2122200075	Lê Thị Kim	Loan	26/11/2003	CCQ2220C	Loan	8,0	3.9	5,5	
24	2121190040	Phạm Văn	Lộ	28/02/2003	CCQ2119B		0,0			
25	2122120303	Dương Hiền	Mai	06/10/2004	CCQ2212I	Hien	9,2	7.2	8,0	
26	2122130038	Nguyễn Thị	Mỹ	11/12/2004	CCQ2213B	My	7,1	5.5	6,1	
27	2121210034	Nguyễn Thị Ái	Mỹ	03/02/2003	CCQ2121A	My	7,2	7.4	7,3	
28	2121140162	Cù Thanh	Nam	22/06/2003	CCQ2111E		0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 51

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122200162	Trịnh Thị Bích	Ngà	23/10/2004	CCQ2220E	Ngà	9,7	8,4	8,9	
30	2122200011	Lê Thị Tuyết	Ngân	16/02/2003	CCQ2220A	Tuyết	9,9	9,4	9,6	
31	2122130089	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/09/2004	CCQ2213C	Kim	8,7	7,5	8,0	
32	2121170185	Bùi Minh	Nhật	13/05/2003	CCQ2117F	Minh	8,0	5,3	6,4	
33	2122130082	Đỗ Thị	Nhi	17/11/2004	CCQ2213C	Thị	8,2	8,2	8,2	
34	2122100231	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/05/2004	CCQ2210G	Oanh	7,1	7,6	7,4	
35	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	Phúc	8,9	6,9	7,7	
36	2122130042	Thân Thị	Quảng	22/09/2004	CCQ2213B	Quảng	7,3	6,2	6,6	
37	2122170145	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	23/09/2003	CCQ2217D	Mạnh	8,6	8,1	8,3	
38	2122200116	Phạm Thị Tuyết	Sâm	06/06/2004	CCQ2220D	Tuyết	8,9	7,1	7,8	
39	2122170159	Lê Thanh	Sang	20/06/2004	CCQ2217D	Thanh	8,5	8,1	8,3	
40	2122200150	Nguyễn Thị Mỹ	Sanh	10/03/2003	CCQ2220E	Mỹ	10,0	8,1	8,9	
41	2121170293	Đàm Văn	Thái	15/12/2002	CCQ2117I		0,0			
42	2122200089	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	31/07/2004	CCQ2220C	Quốc	8,1	3,4	5,3	
43	2121170183	Trần Hoàng	Thái	07/11/2002	CCQ2117F	Hoàng	6,4	5,8	6,0	
44	2122110203	Phạm Thị Hồng	Thắm	09/04/2004	CCQ2211F	Hồng	9,5	7,4	8,2	
45	2122200020	Lê Minh	Thành	27/04/2004	CCQ2220A	Minh	9,0	7,0	7,8	
46	2122130033	Thạch Thị Ngọc	Thảo	02/04/2004	CCQ2210G	Ngọc	8,0	5,5	6,5	
47	2122200064	Nguyễn Thị Thanh	Thị	05/09/2004	CCQ2220B		0,0			
48	2122060082	Trần Thị Ngọc	Trâm	28/02/2004	CCQ2206A	Ngọc	7,9	6,8	7,2	
49	2122130043	Cao Thị Thiên	Trang	20/09/2004	CCQ2213B	Thiên	8,5	7,6	8,0	
50	2122130084	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/03/2004	CCQ2213C	Thanh	8,6	5,4	6,7	
51	2122060034	Trần Minh	Trung	05/06/2002	CCQ2206A	Minh	7,9	5,8	6,6	
52	2122100275	Nguyễn Thị	Vân	28/05/2004	CCQ2210H	Thị	8,2	4,5	6,0	
53	2122400153	Phạm Thị Hồng	Vân	03/12/2003	CCQ2210E		0,0			
54	2121110046	Trịnh Quốc	Việt	02/09/2003	CCQ2111B	Quốc	6,9	5,8	6,2	
55	2121210008	Huỳnh Phi	Vũ	12/10/2003	CCQ2121A	Phi	8,7	6,5	7,4	
56	2123030027	Phạm Thành	Vương	10/05/2005	CCQ2303A	Thành	8,6	5,3	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 51

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
57	2121270017	Nguyễn Thị Bích Vy	10/05/2003	CCQ2127A		Thylyh	8,8	4.2	6,0	

(24)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đầu: 41
Rút: 04

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

C.H.

Môn học: Anh văn 3 (22401605)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123260022	Trần Quốc An	27/11/2005	CCQ2326A		<i>Trần Quốc An</i>	7,5	8,1	7,9	
2	2123260179	Thành Thị Lan	16/08/2005	CCQ2326E		<i>Anh</i>	7,0	6,7	6,8	
3	2123260169	Nguyễn Quốc Bảo	19/09/2005	CCQ2326E		<i>Bảo</i>	7,0	7,3	7,2	
4	2123260067	Trương Gia Bảo	03/04/2005	CCQ2326B		<i>Bao</i>	7,2	8,4	7,9	
5	2123260064	Ngũ Nguyễn Phú Cường	15/08/2005	CCQ2326B			6,0			
6	2123260164	Phan Ngô Thùy Dung	31/10/2005	CCQ2326E		<i>Dung</i>	7,0	6,7	6,8	
7	2123260060	Lê Nguyễn Thùy Dương	19/01/2005	CCQ2326B		<i>Th</i>	7,2	6,7	6,9	
8	2123260152	Lê Thị Ánh Dương	15/11/2005	CCQ2326B		<i>Quoc</i>	7,0	7,9	7,5	
9	2123260161	Trần Ngọc Duy	16/09/2005	CCQ2326E		<i>Quoc</i>	8,2	7,6	7,8	
10	2123260032	Nguyễn Hương Giang	10/05/2005	CCQ2326A		<i>Giang</i>	8,4	5,4	6,6	
11	2123260154	Lê Thị Kim Hân	02/09/2005	CCQ2326E		<i>Kim</i>	7,2	2,8	4,6	HL
12	2123260069	Trần Bảo Hân	19/10/2005	CCQ2326B		<i>Bao</i>	7,0	5,8	6,3	
13	2123120704	Nguyễn Hồng Hạnh	07/04/2004	CCQ2312L		<i>Han</i>	7,8	5,3	6,3	
14	2123260150	Nguyễn Anh Hào	16/01/2005	CCQ2326E		<i>Hao</i>	6,0	3,8	4,7	HL
15	2123260194	Huỳnh Phúc Hậu	13/10/2004	CCQ2326A			0,0			
16	2123260168	Nguyễn Thị Kim Hoa	05/09/2005	CCQ2326E		<i>Hoa</i>	7,0	4,2	5,3	
17	2123260055	Nguyễn Phùng Thiên Hoàng	08/10/2005	CCQ2326B		<i>Th</i>	6,5	5,4	5,8	
18	2123260047	Hứa Thị Thuý Hường	13/02/2005	CCQ2326B		<i>Huong</i>	6,0	5,4	5,6	
19	2123260007	Bùi Văn Huy	17/10/2005	CCQ2326A		<i>Huy</i>	6,5	4,6	5,4	
20	2123260023	Nguyễn Đăng Khoa	20/11/2004	CCQ2326A		<i>Khoa</i>	6,5	5,5	5,9	
21	2123260004	Phan Thị Thanh Kiều	12/05/2005	CCQ2326A			0,0			
22	2123120707	Phan Thanh Liêm	04/08/2005	CCQ2312L		<i>Liem</i>	7,2	7,2	7,2	
23	2123120708	Cao Thủy Lương	10/01/2005	CCQ2312L		<i>Luong</i>	8,9	8,8	8,8	
24	2123260184	Đặng Thị Trà Mi	21/10/2005	CCQ2326E		<i>Mi</i>	8,5	9,0	8,8	
25	2123260149	Lê Thị Kim Ngân	16/10/2005	CCQ2326E		<i>Ngan</i>	8,3	5,9	6,9	
26	2123120699	Trần Thị Quỳnh Ngân	13/11/2005	CCQ2312L		<i>Ngan</i>	8,4	9,0	8,8	
27	2123120691	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/01/2005	CCQ2312L			0,0			
28	2123260062	Nguyễn Thiện Nhân	28/01/2005	CCQ2326B		<i>Nhan</i>	5,0	7,4	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 3 (22401605)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123260071	Trương Kim Nhân	29/07/2005	CCQ2326B		Kimhan	8,0	8,7	8,4	
30	2123120678	Lê Thị Quỳnh Như	27/06/2005	CCQ2312L		Thi	7,5	9,0	8,4	
31	2123260197	Nguyễn Thị Thanh	05/03/2004	CCQ2326E		Thanh	6,8	5,9	6,3	
32	2123260052	Lê Trần Anh Thư	27/06/2005	CCQ2326B		Thư	8,0	9,1	8,7	
33	2123260056	Ngô Thị Nhã Thùy	10/10/2005	CCQ2326B		Thùy	7,5	7,3	7,4	
34	2123260033	Nguyễn Thanh Thùy	01/11/2005	CCQ2326A		Thùy	6,5	2,5	4,1	HL
35	2123260021	Bùi Ngọc Yên Trâm	30/08/2005	CCQ2326A			0,0			
36	2123120690	Lê Thị Ngọc Trâm	01/07/2005	CCQ2312L		Trâm	7,8	5,5	6,4	
37	2123120684	Nguyễn Đào Hoàng Trân	12/12/2005	CCQ2312L		Trân	8,3	6,6	7,3	
38	2123260059	Lâm Ngọc Trang	09/01/2005	CCQ2326B		Trang	6,0	0,3	2,6	HL
39	2123260051	Lê Thị Bích Truyền	01/01/2005	CCQ2326B		Truyền	7,8	8,8	8,4	
40	2123260039	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	10/02/2005	CCQ2326B		Tuyết	8,0	8,7	8,4	
41	2123260029	Trương Ánh Tuyết	06/05/2005	CCQ2326A		Tuyết	7,5	6,1	6,7	
42	2123260044	Đinh Thị Mỹ Uyên	18/08/2005	CCQ2326B		Uyen	7,0	8,9	8,1	
43	2123260145	Trương Thị Cẩm Uyên	15/11/2005	CCQ2326B		Uyen	6,9	7,4	7,2	
44	2123260166	Lê Thị Kiều Vi	03/09/2005	CCQ2326E		Vi	8,0	6,5	7,1	
45	2123260176	Nguyễn Huỳnh Thị Thúy Vy	10/11/2005	CCQ2326E		Thuy Vy	7,7	8,7	8,3	
46	2123260147	Huỳnh Thị Ánh Xuân	30/01/2005	CCQ2326E		Xuan	7,9	6,2	6,9	
47	2123260170	Nguyễn Ngọc Như Ý	14/07/2005	CCQ2326E		Ly	7,0	7,5	7,3	
48	2123260189	Hoàng Phi Yên	12/10/2005	CCQ2326E		Yen	7,7	6,1	6,7	
49	2123120721	Lê Châu Hoàng Yên	19/08/2005	CCQ2312L		Yen	7,1	9,0	8,2	
50	2123260020	Trương Ngọc Bảo Yên	20/06/2005	CCQ2326A		Yen	7,9	7,7	7,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

(25)

T. Thuận

Đ:

Đ: 48
H. 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Nguyễn Lê Thái
Nguyễn Lê Thái
Nguyễn Lê Thái

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123190027	Đoàn Tuấn Anh	18/11/2005	CCQ2319A		Đoàn Tuấn Anh	7,0	7,4	7,2	
2	2123190038	Nguyễn Lê Đại	24/02/2005	CCQ2319B		Nguyễn Lê Đại	7,0	7,2	7,1	
3	2123030066	Phạm Văn Đạt	07/08/2005	CCQ2303B		Phạm Văn Đạt	9,8	7,0	8,1	
4	2123030006	Trịnh Hoàng Công Đức	27/02/2005	CCQ2303A		Trịnh Hoàng Công Đức	7,0	4,1	5,3	
5	2122100081	Trần Thị Mỹ Giang	09/07/2004	CCQ2220G		Trần Thị Mỹ Giang	7,0	5,6	6,2	
6	2123190052	Phan Thị Hà	15/04/2001	CCQ2319B		Phan Thị Hà	10,0	7,5	8,5	
7	2122120423	Hồ Thị Thảo Hiền	18/12/2004	CCQ2212M		Hồ Thị Thảo Hiền	9,4	6,7	7,8	
8	2123030227	Đặng Đình Hiếu	10/08/2005	CCQ2303A		Đặng Đình Hiếu	9,7	8,7	9,1	
9	2123190006	Trần Thị Mỹ Hoàng	08/09/2003	CCQ2319A		Trần Thị Mỹ Hoàng	10,0	8,3	9,0	
10	2123100143	Trương Ngọc Minh Hương	13/09/2005	CCQ2319A		Trương Ngọc Minh Hương	10,0	8,4	9,0	
11	2122170251	Lê Ngô Minh Khôi	21/09/2004	CCQ2217G		Lê Ngô Minh Khôi	7,5	6,2	6,7	
12	2122100007	Phan Thị Lan	20/09/2002	CCQ2220F		Phan Thị Lan	9,7	6,5	7,8	
13	2122120163	Lê Thị Mỹ Lệ	07/12/2003	CCQ2212E		Lê Thị Mỹ Lệ	9,1	7,7	8,3	
14	2121100187	Đặng Thị Vi Linh	10/11/2003	CCQ2110F			0,0			
15	2122110087	Lê Văn Lực	03/12/2003	CCQ2211C		Lê Văn Lực	9,5	7,5	8,3	
16	2121210018	Phan Thị Tuyết Mai	20/02/2003	CCQ2121A		Phan Thị Tuyết Mai	7,5	7,3	7,4	
17	2121210118	Quản Lê Minh	05/01/2002	CCQ2121D		Quản Lê Minh	8,0	4,5	5,9	
18	2123190021	Lê Thị Trà My	26/01/2005	CCQ2319A		Lê Thị Trà My	10,0	8,4	9,0	
19	2122030075	Nguyễn Văn Mỹ	07/07/2004	CCQ2203C		Nguyễn Văn Mỹ	7,5	5,6	6,4	
20	2121120645	Trương Thị Hồng Ngọc	03/10/2003	CCQ2112I		Trương Thị Hồng Ngọc	8,2	7,6	7,8	
21	2121210004	Võ Thị Hoài Ngọc	04/09/2003	CCQ2121A		Võ Thị Hoài Ngọc	8,0	7,1	7,5	
22	2123190003	Ngô Minh Nguyên	17/06/2003	CCQ2319A		Ngô Minh Nguyên	9,7	7,5	8,4	
23	2123190018	Ngô Nguyễn Hoàng Nguyên	11/09/2005	CCQ2319A		Ngô Nguyễn Hoàng Nguyên	8,6	8,2	8,3	
24	2123190069	Phạm Yến Nhi	02/12/2004	CCQ2319B		Phạm Yến Nhi	9,3	7,0	7,9	
25	2123190062	Phạm Thị Ngọc Nữ	16/12/2005	CCQ2319B		Phạm Thị Ngọc Nữ	10,0	8,7	9,2	
26	2121170577	Nguyễn Anh Phúc	13/07/2003	CCQ2117Q			0,0			
27	2121110184	Phạm Văn Phước	17/11/2002	CCQ2111F			0,0			
28	2122110515	Nguyễn Thanh Phương	04/04/2004	CCQ2211L		Nguyễn Thanh Phương	9,7	7,8	8,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	MÃ SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123190049	Lê Thị Long	Phượng	08/09/2005	CCQ2319B		9,7	8,7	9,1	
30	2122200062	Trương Thị	Phượng	05/03/2004	CCQ2220B		7,0	6,2	6,5	
31	2122030095	Bá Thiên Minh	Quang	08/11/2004	CCQ2203C		9,3	5,1	6,8	
32	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	26/05/2005	CCQ2311K		10,0	7,7	8,6	
33	2122120004	Ngô Kim	Quyên	13/05/2000	CCQ2212A		10,0	8,3	9,0	
34	2123030014	Võ Đình	Son	23/07/2005	CCQ2303A		9,1	7,3	8,0	
35	2121170533	Trương Tấn	Tài	26/02/2003	CCQ2117P		7,0	6,4	6,6	
36	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	03/07/2003	CCQ2126B		7,0	6,4	6,6	
37	2121170680	Phạm Nhật	Tân	06/10/2002	CCQ2117R		0,0			
38	2123030034	Đỗ Minh	Thành	07/12/2005	CCQ2303A		9,2	7,5	8,2	
39	2122100240	Nguyễn Đoàn Bích	Thảo	04/08/2004	CCQ2210G		8,7	4,5	6,2	
40	2122110335	Võ Thị Diệu	Thảo	25/05/2004	CCQ2211I		9,1	7,8	8,3	
41	2121100155	Võ Thị Kim	Thoa	10/05/2003	CCQ2110E		0,0			
42	2121170557	Nguyễn Văn	Thông	14/05/2003	CCQ2117P		6,0	4,0	4,8	
43	2122170266	Huỳnh Hữu	Thuận	15/07/2004	CCQ2217G		6,0	5,0	5,4	
44	2122170269	Đoàn Văn	Thức	21/12/2004	CCQ2217G		8,2	4,4	5,9	
45	2123190011	Trần Huyền	Trần	07/07/2004	CCQ2319A		9,1	7,9	8,4	
46	2123190016	Phạm Thanh	Trúc	07/01/2005	CCQ2319A		9,1	8,4	8,7	
47	2123190063	Trần Minh	Trung	11/01/2005	CCQ2319B		9,6	8,0	8,6	
48	2123190019	Trịnh Thị Kim	Tuyền	05/09/2005	CCQ2319A		9,2	8,5	8,8	
49	2123190002	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	08/02/2003	CCQ2319A		10,0	8,3	9,0	
50	2123190013	Nguyễn Thị Thảo	Vi	19/02/2005	CCQ2319A		8,7	8,0	8,3	
51	2122030130	Nguyễn Tam	Vinh	06/02/2004	CCQ2203H		9,4	7,4	8,2	
52	2123120650	Lê Kiều	Vy	12/07/2005	CCQ2312K		7,7	6,8	7,2	
53	2123190020	Vũ Ngọc Thảo	Vy	07/06/2005	CCQ2319A		8,2	8,1	8,1	
54	2121120251	Nguyễn Song Hoài	Vỹ	01/11/2003	CCQ2112H		0,0			
55	2122100036	Nguyễn Phi	Yến	23/01/2004	CCQ2220F		9,4	5,0	6,8	

26

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đ: 43
H: 04

C.Thu

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 47

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121170297	Nguyễn Văn An	15/06/2003	CCQ2117I		An	6,1	7,5	6,9	
2	2123100173	Phạm Trang	04/11/2005	CCQ2310E		Trang	9,1	7,7	8,3	
3	2123100165	Vũ Thị Kim	29/06/2005	CCQ2310E		Kim	9,4	9,3	9,3	
4	2121170308	Phan Vũ Bằng	27/04/2003	CCQ2117I		Bằng	8,7	7,1	7,7	
5	2121210087	Y Tùng	16/01/2002	CCQ2121C		Tùng	5,5	4,0	3,4	
6	2121210010	Đoàn Trung Cang	29/03/2003	CCQ2121A		Cang	5,5	4,0	4,6	
7	2121150032	Lê Văn Cường	28/09/2003	CCQ2115A		Cường	7,8	5,0	6,1	
8	2121180018	Trần Quý Đài	09/10/2003	CCQ2118A		Đài	8,0	8,1	8,1	
9	2122170335	Nguyễn Tấn Đức	04/06/2004	CCQ2217I		Đức	7,5	4,3	5,6	
10	2123100169	Trần Thị Mỹ Duyên	24/01/2005	CCQ2310E		Mỹ Duyên	9,3	9,0	9,1	
11	2123100159	Nguyễn Thị Thanh Hằng	24/04/2005	CCQ2310E		Hằng	9,5	9,6	9,6	
12	2121170260	Đỗ Quang Hậu	13/02/2003	CCQ2117H		Hậu	0,0			
13	2123100182	Dương Thị Hậu	13/09/2005	CCQ2310F		Hậu	9,2	4,5	6,4	
14	2123100216	Bùi Thị Hiền	03/04/2005	CCQ2310F		Hiền	9,2	9,0	9,1	
15	2123100146	Đinh Thị Mỹ Hoa	30/10/2005	CCQ2310E		Hoa	9,2	7,4	8,1	
16	2123100180	Nguyễn Thị Thu Hoa	10/07/2005	CCQ2310F		Hoa	6,7	4,0	5,1	
17	2121110175	Lê Minh Hoàng	08/12/2003	CCQ2111E		Hoàng	7,1	4,1	5,3	
18	2121180030	Nguyễn Kế Học	07/05/2003	CCQ2118A		Học	3,2			
19	2123100167	Trần Quang Khải	06/05/2005	CCQ2310E		Khải	7,0	4,0	5,2	
20	2123100207	Phạm Thanh Kiều	04/07/2005	CCQ2310F		Kiều	9,3	8,8	9,0	
21	2122240119	Trần Ngọc Lệ	14/08/2004	CCQ2212P		Lệ	9,4	6,3	7,5	
22	2121120217	Lê Thị Thảo Ngân	09/10/2003	CCQ2112G		Ngân	7,5	6,0	6,6	
23	2123100204	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/10/2003	CCQ2310F		Ngân	8,8	7,0	7,7	
24	2123190014	Trần Thị Thu Ngân	21/03/2005	CCQ2310E		Ngân	9,0	9,0	9,0	
25	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết Nghi	20/09/2005	CCQ2310E		Nghi	8,6	7,0	7,6	
26	2121170497	Nguyễn Hữu Ngọc	19/09/2003	CCQ2117O		Ngọc	2,1			
27	2121180031	Vân Quyết Công Nhân	12/04/2002	CCQ2118A		Nhân	6,8	5,0	5,7	
28	2121170618	Huỳnh Văn Nhật	01/05/2003	CCQ2117R		Nhật	2,3			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

C.Thu

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 4

Số tờ giấy thi: 4

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123100155	Lê Thị Yến	Nhi	07/08/2005	CCQ2310E		9,2	8,8	9,0	
30	2123100187	Nguyễn Hoài	Nhi	13/09/2005	CCQ2310F		8,0	8,5	8,3	
31	2123100176	Đặng Quỳnh	Như	21/06/2005	CCQ2310E		9,1	7,7	8,3	
32	2123100206	Lê Thị Quỳnh	Như	03/07/2005	CCQ2310F		9,4	9,3	9,3	
33	2123100172	Đỗ Khánh	Nhung	12/07/2002	CCQ2310E		9,6	9,6	9,6	
34	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	11/11/2005	CCQ2310F		8,6	5,7	6,9	
35	2121110003	Trần Thanh	Sang	06/03/2003	CCQ2111A		5,0	0	2,0	
36	2121170605	Lâm Thành	Tâm	29/10/2003	CCQ2117R		3,4	5,5		
37	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	03/05/2005	CCQ2310F		8,1	5,5	6,5	
38	2123100148	Phạm Thị Hồng	Thắm	15/11/2005	CCQ2310E		9,2	8,8	9,0	
39	2121110150	Nguyễn Thành	Thắng	20/03/2000	CCQ2111E		6,6	8,0	7,4	
40	2123100193	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/2005	CCQ2310F		9,5	9,5	8,9	
41	2123100156	Hồ Minh	Thư	10/10/2005	CCQ2310E		8,8	9,0	8,9	
42	2123100212	Lương Võ Minh	Thư	07/11/2005	CCQ2310F		9,2	8,1	8,5	
43	2122120045	Lê Thị Lan	Thương	02/01/2004	CCQ2212B		9,1	7,3	8,0	
44	2123100184	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11/07/2005	CCQ2310F		9,3	9,3	9,3	
45	2122120038	Trần Thị Quế	Trâm	11/06/2004	CCQ2212B		9,4	7,8	8,4	
46	2123100300	Văn Ngọc Mỹ	Trâm	30/08/1998	CCQ2310F		9,7	9,6	9,6	
47	2121120647	Trần Văn	Tráng	11/09/2001	CCQ2112I		0,0			
48	2123100198	Cao Diễm	Trình	17/11/2002	CCQ2310F		9,2	7,6	8,2	
49	2123100181	Hoàng Ngọc Thùy	Trình	21/11/2005	CCQ2310F		6,5	6,4	6,4	
50	2121030042	Lương Bá	Trọng	15/12/2003	CCQ2103B		8,5	5,5	6,7	
51	2123100209	Nguyễn Thị Mai	Trúc	10/03/2005	CCQ2310F		6,5	6,7	6,6	
52	2121120206	Võ Khánh	Vân	12/04/2003	CCQ2112F		6,6	6,9	6,8	
53	2122170502	Huỳnh Văn	Vinh	04/09/2004	CCQ2217M		7,2	0,3	3,1	
54	2123100179	Trần Thị Cẩm	Y	26/11/2005	CCQ2310E		0,0			

(27)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

T. Mạnh

D: 49
H: 3

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 52

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Ngũ T. Phlich
Phan Thị Phức
Ngũ T. Phlich
Phan Thị Phức

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123120099	Nguyễn Minh An	22/02/2005	CCQ2312B		An	6,0	8,0	7,2	
2	2123120627	Võ Thái Hải	02/12/2004	CCQ2312K		Hải	8,5	8,3	8,4	
3	2123120616	Trần Long Âu	20/04/2005	CCQ2312K		Long	8,1	9,6	9,0	
4	2121120129	Võ Văn Bình	19/04/2003	CCQ2112D		Bình	7,4	7,2	7,3	
5	2123120631	Nông Thị Chúc	28/10/2005	CCQ2312K		Chúc	9,1	8,3	8,6	
6	2123120040	Nguyễn Thị Thúy	11/10/2005	CCQ2312A		Thúy	7,6	8,1	7,9	
7	2123120088	Nguyễn Thị Diệu	23/01/2005	CCQ2312B		Diệu	8,3	8,0	8,1	
8	2123120039	Phan Dương	18/10/2005	CCQ2312A		Dương	5,8	5,1	5,4	
9	2123120050	Trần Thị Mai	05/02/2005	CCQ2312A		Mai	8,2	8,3	8,3	
10	2123120630	Nguyễn Thị Hương	11/10/2004	CCQ2312K		Hương	8,0	7,2	7,5	
11	2123120621	Nguyễn Lê Thị Hà	29/10/2005	CCQ2312K		Hà	7,1	7,6	7,4	
12	2123120027	Trương Thị Thu	06/01/2004	CCQ2312A		Thu	9,9	8,3	8,9	
13	2123120071	Hoàng Thị Thu Hằng	02/11/2005	CCQ2312B		Hằng	4,5	3,0	3,6	
14	2123120030	Nguyễn Thị Thu Hạnh	26/02/2005	CCQ2312A		Hạnh	6,4	5,4	5,8	
15	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc Hôn	04/04/2003	CCQ2312A		Hôn	7,9	8,6	8,3	
16	2123120033	Nguyễn Văn Hùng	25/12/2004	CCQ2312A		Hùng	6,8	7,8	7,4	
17	2123120626	Nguyễn Thị Thu Hương	17/11/2005	CCQ2312K		Hương	9,9	9,1	9,4	
18	2123110406	Hoàng Đức Hữu	23/04/2005	CCQ2311K		Hữu	7,8	8,7	8,3	
19	2123120060	Thần Trọng Khánh	08/07/2005	CCQ2312B		Khánh	9,3	8,8	9,0	
20	2123120623	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	15/09/2005	CCQ2312K		Khoa	8,6	7,5	7,9	
21	2123120070	Nông Thị Thúy Kiều	20/11/2005	CCQ2312B		Kiều	4,5	1,0	2,4	
22	2123120080	Nguyễn Thị Yến Linh	21/11/2005	CCQ2312B		Linh	9,0	8,5	8,7	
23	2123120082	Nguyễn Thị Ái Loan	09/08/2003	CCQ2312B		Loan	9,2	7,9	8,4	
24	2123120014	Phan Tấn Lộc	02/09/2005	CCQ2312A		Lộc				
25	2121110107	Phạm Phi Long	30/07/2003	CCQ2111D		Long	4,2	6,8	5,8	
26	2123120664	Quách Gia Long	30/11/2005	CCQ2312K		Long	6,2	5,6	5,8	
27	2122170681	Nguyễn Văn Đức Minh	25/10/2004	CCQ2217Q		Minh	6,4	6,5	6,5	
28	2123120645	Bùi Thị Bé My	18/08/2005	CCQ2312K		My	7,6	6,7	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 52

Số bài thi:/.....

Số tờ giấy thi:.....

Ng T.P.Linh Ng T.P.Linh Ng T.P.Linh Ng T.P.Linh
Trần Thị Thu Trần Thị Thu Trần Thị Thu Trần Thị Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123120006	Lê Thị Giáng My	13/09/2005	CCQ2312A		Chao	6,4	6,4	6,4	
30	2123120045	Dương Thị Phương Nga	16/07/2005	CCQ2312A		Ngan	6,2	5,6	5,8	
31	2123120044	Bạch Thị Kim Ngân	22/04/2005	CCQ2312A		Ngan	8,9	7,9	8,3	
32	2123120035	Vũ Hữu Nghĩa	21/04/2004	CCQ2312A		Ngan	8,5	7,9	8,1	
33	2123120639	Nguyễn Thảo Ngọc	04/12/2004	CCQ2312K		Ngan	5,4	7,5	6,7	
34	2123120059	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	27/02/2005	CCQ2312B		Ngan	6,2	5,6	5,8	
35	2122110373	Tô Thanh Nhã	30/12/2004	CCQ2211J		Ngan	6,5	8,9	7,9	
36	2123120090	Huỳnh Thị Thảo Như	01/12/2005	CCQ2312B		Ngan	6,8	5,8	6,2	
37	2120030020	Nguyễn Văn Phát	03/10/2002	CCQ2003A			1,5			
38	2121170174	Ngô Văn Phú	14/09/2003	CCQ2117E			0,0			
39	2123120075	Hồ Văn Phước	05/10/2005	CCQ2312B		Phuoc	8,4	7,9	8,1	
40	2123120618	Đoàn Trần Ngọc Phương	25/08/2005	CCQ2312K		Phuoc	7,6	8,6	8,2	
41	2123120011	Hà Thị Mai Phương	07/11/2005	CCQ2312A		Phuoc	4,9	8,1	6,8	
42	2121190115	Kiều Nữ Diễm Quỳnh	14/08/2003	CCQ2119D		Phuoc	5,4	6,7	6,2	
43	2123120085	Nguyễn Ngô Như Quỳnh	21/05/2005	CCQ2312B		Phuoc	8,4	8,2	8,3	
44	2123120043	Nguyễn Ngọc Thanh Sơn	09/02/2005	CCQ2312A		Phuoc	6,6	6,7	6,7	
45	2121110129	Bùi Thanh Thắng	11/02/2003	CCQ2111D		Thang	6,1	8,0	7,2	
46	2123120655	Nguyễn Thị Anh Thư	31/03/2005	CCQ2312K		Thang	8,0	7,9	7,9	
47	2123120515	Trần Anh Thư	03/04/2005	CCQ2312B		Thang	9,1	7,7	8,3	
48	2122120450	Nguyễn Duy Thúc	31/10/2003	CCQ2212M		Thuc	7,3	7,1	7,2	
49	2123120629	Phùng Thị Thủy	22/05/2005	CCQ2312K		Thuy	9,2	7,6	8,2	
50	2122100184	Hồ Thị Ngọc Tinh	15/08/2004	CCQ2210F		Tinh	7,1	8,9	8,2	
51	2123120320	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12/06/2005	CCQ2312A		Tram	5,0	0,2	2,1	
52	2123120658	Võ Thanh Tuyển	29/06/2005	CCQ2312K		Tuyen	7,6	8,3	8,0	
53	2123120608	Nguyễn Thị Thảo Uyên	31/03/2005	CCQ2312K		Uyen	9,9	8,2	8,9	
54	2123120010	Ngô Thị Tường Vi	03/09/2005	CCQ2312A		Vi	7,9	7,9	7,9	
55	2123120086	Bạch Mai Vy	02/08/2005	CCQ2312B		Vy	6,7	8,1	7,5	
56	2121120627	Nguyễn Thị Yên Vy	02/04/2003	CCQ2112R			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đ: 35
H: 9

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt:.....

Số bài thi: 4/4

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123260103	Nguyễn Minh Anh	25/09/2004	CCQ2326C			5.2	4,9	5,0	
2	2123260075	Nguyễn Nhật Anh	27/01/2003	CCQ2326C			4.5	3,8	4,1	
3	2122170316	Trần Thiên Bảo	16/01/2004	CCQ2217H			6.9	7,6	7,3	
4	2122060031	Lê Vĩnh Bình	06/09/2004	CCQ2206A			5.4	5,0	5,2	
5	2123260139	Ngô Xuân Chương	30/10/2005	CCQ2326D			0.0	Cấm	Hỏi	
6	2123260138	Lê Thị Linh Đan	04/04/2005	CCQ2326D			5.7	4,9	5,2	
7	2121110367	Lâm Tấn Đạt	04/02/2003	CCQ2111I			6.1	5,4	5,7	
8	2123260091	Trương Ngọc Dung	30/10/2005	CCQ2326C			7.4	7,9	7,7	
9	2123260097	Đỗ Thị Thùy Duyên	16/10/2005	CCQ2326C			6.0	8,2	8,7	
10	2123260116	Trần Thị Hương Giang	01/10/2003	CCQ2326D			7.1	7,6	7,4	
11	2122190065	Phạm Hồng Duy Hải	04/01/2000	CCQ2219B			9.3	7,5	8,2	
12	2123260089	Hồ Thị Ngọc Hân	13/05/2005	CCQ2326C			5.0	4,4	4,6	
13	2123260076	Nguyễn Gia Hân	30/09/2005	CCQ2326C			5.1	5,2	5,2	
14	2123260072	Nguyễn Võ Gia Hân	04/07/2005	CCQ2326C			9.2	8,0	8,5	
15	2122060030	Nguyễn Công Hậu	14/01/2003	CCQ2206A			5.9	7,3	6,7	
16	2122060072	Nguyễn Cảnh Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A			8.7	7,8	8,2	
17	2122100375	Phạm Nguyễn Thùy Hương	22/04/2003	CCQ2210J			8.6	7,7	8,1	
18	2122030061	Trần Minh Huy	09/01/2004	CCQ2203B			0.0			
19	2122060004	Trần Việt Hủy	03/07/2004	CCQ2206A			8.0	7,8	7,9	
20	2122100322	Trần Nguyễn Ngọc Huyền	14/11/2004	CCQ2210B			7.5	7,6	7,6	
21	2122030060	Nguyễn Hữu Khải	25/07/2004	CCQ2203B			0.0			
22	2122060026	Trần Văn Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A			6.7	7,4	7,1	
23	2121170063	Phạm Lâm Thanh Lai	09/01/2003	CCQ2117B			3.2	2,6	2,8	
24	2122060010	Châu Ngọc Lân	03/03/2004	CCQ2206A			5.9	7,1	6,6	
25	2122060016	Vân Tấn Lộc	21/08/2004	CCQ2206A			6.8	5,7	6,1	
26	2122030099	Nguyễn Đức Lợi	03/07/2003	CCQ2203C			8.6	7,7	8,1	
27	2121180045	Nguyễn Thành Luân	13/06/2003	CCQ2118I.A			5.2	6,6	6,0	
28	2122170051	Nguyễn Tấn Lương	01/09/2004	CCQ2217B			5.3	5,8	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt:.....

Số bài thi: ...44...

Số tờ giấy thi:.....

C. Sĩ Đng

Ng T. P. Linh

Ng T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170052	Lê Đức Minh	23/09/2004	CCQ2217B		Minh	6,5	7,0	6,8	
30	2122190068	Nguyễn Hoàng Minh	11/04/2004	CCQ2219B		Minh	8,1	7,7	7,9	
31	2123260077	Bùi Thị Thuý Nga	20/08/2005	CCQ2326C		Nga	4,8	4,3	4,5	
32	2122200115	Ngô Thị Kim Ngân	01/02/2004	CCQ2220D		Ngân	7,2	7,4	7,3	
33	2122110280	Bùi Hữu Nghĩa	20/08/2003	CCQ2211G			0,0	Cấm thi		
34	2123260107	Mai Minh Nghĩa	22/08/2005	CCQ2326C		Nghĩa	4,1	5,2	4,8	
35	2121210115	Võ Thị Như Nguyệt	16/09/2003	CCQ2121C		Như	6,3	7,4	7,0	
36	2123260090	Trương Thúy Nhã	08/07/2005	CCQ2326C		Nhã	7,8	7,9	7,9	
37	2123260140	Vương Lê Tuyết Nhi	28/02/2005	CCQ2326D		Nhi	4,8	7,0	6,1	
38	2121150016	Lăng Minh Phương	20/01/2003	CCQ2115A		Phương	5,4	6,6	6,1	
39	2123260127	Phùng Thị Minh Phương	24/06/2003	CCQ2326D		Phuong	9,0	9,1	9,1	
40	2123260108	Huỳnh Thị Cẩm Quyên	19/07/2005	CCQ2326D		Quyên	5,3	3,9	4,5	
41	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật Sang	02/06/2004	CCQ2214A		Sang	3,2	5,4	4,8	
42	2123260125	Trần Thông Siêu	04/04/2005	CCQ2326D		Siêu	5,0	1,5	2,9	
43	2121170096	Trần Minh Sơn	26/04/2003	CCQ2117C			0,0	Cấm thi		
44	2122140012	Nguyễn Phi Tài	06/07/1997	CCQ2214A		Tài	7,1	7,6	7,4	
45	2123260110	Phạm Phương Thảo	05/09/2005	CCQ2326D		Thảo	6,8	7,5	7,2	
46	2123260117	Phạm Anh Tiến	17/03/2004	CCQ2326D			0,0	Cấm thi		
47	2122170050	Nguyễn Văn Trâm	16/12/2004	CCQ2217B		Tram	5,8	6,2	6,0	
48	2123260190	Bùi Thị Thùy Trang	17/04/2005	CCQ2326C		Trang	9,5	8,3	8,8	
49	2121180007	Đặng Bảo Tuấn	26/01/2003	CCQ2118A		Tuấn	4,5	6,1	5,5	
50	2123260174	Lê Lâm Nhật Yên	22/03/2005	CCQ2326C		Yen	8,6	8,7	8,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đ: 39
H: 3

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

C. Hồng (31)
Trần Thị Diễm Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122130015	Trần Thị Châu	Anh	16/05/2004	CCQ2213A		7,5	00	3,0	
2	2121110369	Nguyễn Đăng	Bảo	17/04/2003	CCQ2111F		8,5	49	6,3	
3	2123270015	Nguyễn Lan	Chi	20/01/2005	CCQ2327A		8,3	54	66	
4	2123270013	Nguyễn Thị Kim	Chi	20/02/2005	CCQ2327A		8,4	44	60	
5	2121050077	Bùi Xuân	Chiến	25/09/2003	CCQ2105A		7,0	36	5,0	
6	2123270004	Huỳnh Thị	Chúc	15/03/2005	CCQ2327A		9,4	87	9,0	
7	2123270162	Nguyễn Thị	Đào	05/05/2005	CCQ2327A		9,4	70	8,0	
8	2123270019	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19/05/2005	CCQ2327A		9,2	40	6,1	
9	2123270031	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	10/11/2005	CCQ2327A		8,3	20	4,5	
10	2123270022	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	30/04/2005	CCQ2327A		8,7	79	82	
11	2123270088	Nguyễn Văn	Hào	25/04/2005	CCQ2327A		9,7	64	77	
12	2123270047	Hồ Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/10/2005	CCQ2327B		8,0	35	53	
13	2121150001	Mạc Duy	Hoàng	28/07/2003	CCQ2115A					
14	2121170546	Nguyễn Đức	Hoàng	10/11/2002	CCQ2117P		0,0	Cấm thi		
15	2121170011	Phạm Văn	Hoàng	08/04/2002	CCQ2117A		7,8	32	5,0	
16	2123270001	Ka	Hương	06/07/2004	CCQ2327A		9,2	73	81	
17	2123270014	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/07/2005	CCQ2327A		8,9	70	78	
18	2123270049	Đinh Quốc	Huy	02/06/2005	CCQ2327B		7,4	34	50	
19	2123270018	Nguyễn Đức Minh	Huy	28/09/2005	CCQ2327A		7,8	36	53	
20	2123270040	Phan Thị Ngọc	Lan	06/05/2005	CCQ2327B		8,5	10	4,0	
21	2121180104	Hoàng Đình	Lạng	15/11/2003	CCQ2118C		0,0		00	
22	2123270027	Vũ Thiên	Lực	30/03/2005	CCQ2327A		7,5	10	3,6	
23	2123270067	Nguyễn Ngọc Thiên	Lý	07/02/2005	CCQ2327B		9,1	87	8,9	
24	2123270034	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	16/06/2005	CCQ2327A		8,4	70	76	
25	2121120242	Trần Thị Mỹ	Nguyên	02/02/2003	CCQ2112C		0,0	Cấm thi		
26	2123270005	Trương Chính	Nhân	26/06/2000	CCQ2327A		0,0	Cấm thi		
27	2123270045	Lý Ánh	Như	27/03/2005	CCQ2327B		9,0	89	8,9	
28	2123270060	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/08/2005	CCQ2327B		9,1	93	9,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123270007	Trương Thị Yến	Như	10/12/2002	CCQ2327A		9,5	88	91	
30	2121180086	Nguyễn Hoàng	Phú	27/03/2003	CCQ2118C		0,0		00	
31	2123270061	Lê Thanh	Phương	01/10/2005	CCQ2327B		9,5	88	91	
32	2121060042	Tô Văn	Son	01/02/2003	CCQ2106B		7,5	33	5,0	
33	2121030091	Từ Ngọc	Son	24/03/2003	CCQ2103C		7,3	34	5,0	
34	2120040030	Bùi Khắc	Tài	09/06/2002	CCQ2004A		7,1	3,8	5,1	
35	2121110082	Trần Văn	Tài	15/06/2002	CCQ2111C		7,8	61	6,8	
36	2123270043	Lữ Phạm Châu	Tâm	13/09/2005	CCQ2327B		9,0	83	86	
37	2123270120	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/05/2005	CCQ2327B		8,4	5,5	67	
38	2123270028	Phạm Công	Thành	12/02/2005	CCQ2327A		9,2	61	73	
39	2123270044	Bùi Thị Thu	Thùy	10/03/2005	CCQ2327B		8,6	6,2	72	
40	2121170117	Tổng Đức	Tính	26/03/2003	CCQ2117D		7,8	3,7	53	
41	2123270056	Trương Minh	Toàn	09/01/2005	CCQ2327B		7,2	4,8	58	
42	2123270059	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	01/06/2005	CCQ2327B		8,6	4,0	58	
43	2123270003	Nguyễn Vũ Thanh	Trâm	30/06/2002	CCQ2327A		8,6	6,6	74	
44	2123270024	Thái Thị Cẩm	Tú	21/10/2005	CCQ2327A		8,4	6,0	70	
45	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A		7,0	3,6	50	
46	2123270036	Đặng Thị	Tuyền	06/04/2005	CCQ2327B		8,4	4,5	61	
47	2123270010	Lê Mỹ	Uyên	14/06/2002	CCQ2327A		8,8	3,1	54	
48	2123120643	Đinh Nguyễn	Vũ	15/04/2005	CCQ2312K		0,0	Cấm thi		
49	2123270052	Nguyễn Công	Vương	23/04/2005	CCQ2327B		7,4	3,6	51	
50	2123270032	Trần Thị Ngọc	Yến	28/07/2005	CCQ2327A		8,6	6,8	75	

(32)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

C.B. Anh

Đ: 38

H: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 29..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170135	Cao Hoài Bảo	02/01/2003	CCQ2217D			9,1	8,0	8,4	
2	2123270128	Nguyễn Quốc Bảo	15/07/2005	CCQ2327D			7,4	4,0	5,4	
3	2121170164	Hà Sơn Bình	09/07/2003	CCQ2117E			0,0	Cấm thi		
4	2122120272	Trần Thị Nhật Diễm	17/11/2004	CCQ2212H			8,0	8,6	8,4	
5	2121120359	Nguyễn Ngọc Diễm	29/09/2003	CCQ2112K			7,7	6,8	7,2	
6	2123270104	Nguyễn Thị Thúy Đoà	17/02/2003	CCQ2327C			9,2	8,6	8,8	
7	2122270110	Lê Thành Đoàn	09/02/2003	CCQ2227D			8,8	6,5	7,4	
8	2123270135	Trần Mỹ Duyên	22/03/2005	CCQ2327D			0,0	Cấm thi		
9	2123270102	Nguyễn Thị Kim Hân	12/08/2005	CCQ2327C			8,0	8,1	8,1	
10	2122110159	Châu Lê Thanh Hậu	01/06/2004	CCQ2222A			0,0	Cấm thi		
11	2122170133	Đỗ Trung Hậu	01/02/2004	CCQ2217D			7,6	7,8	7,7	
12	2123270078	Trương Thị Hoa	05/05/2005	CCQ2327C			7,1	4,8	5,7	
13	2122220023	Lê Công Đức Huy	27/08/2004	CCQ2222A			8,3	8,5	8,4	
14	2123270084	Võ Phạm Như Huỳnh	30/11/2005	CCQ2327C			8,3	8,0	8,1	
15	2123270073	Ngô Thị Thúy Kiều	08/11/2005	CCQ2327C			7,4	8,0	7,8	
16	2122260094	Nguyễn Thị Lệ Đan	12/12/2004	CCQ2226C			8,7	8,6	8,6	
17	2123270086	Vòng Mỹ Linh	12/07/2005	CCQ2327C			0,0	Cấm thi		
18	2123270093	Mai Huỳnh Bích Loan	08/08/2004	CCQ2327C			6,8	4,0	5,1	
19	2122170191	Tạ Hoàng Long	12/03/2004	CCQ2217E			0,0	Cấm thi		
20	2123270106	Nguyễn Thị Kiều Ly	15/06/2005	CCQ2327C			8,2	8,4	8,3	
21	2123270140	Trần Thị Tuyết Mai	08/08/2005	CCQ2327C			7,5	8,1	7,9	
22	2122110088	Trần Thị Nga	14/06/2003	CCQ2212N			0,0	Cấm thi		
23	2121170371	Dương Ngô Trung Nguyên	24/04/2003	CCQ2117K			6,5	1,4	3,4	
24	2123270077	Nguyễn Khánh Như	12/12/2005	CCQ2327C			6,0	6,0	6,0	
25	2122120399	Bùi Thị Mỹ Nhi	18/03/2004	CCQ2212L			8,3	7,1	7,6	
26	2123270098	Phạm Thị Kim Oanh	14/11/2005	CCQ2327C			5,7	5,1	5,3	
27	2121170472	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	22/11/2003	CCQ2117N			0,0	Cấm thi		
28	2122170370	Hồ Duy Phương	28/11/2004	CCQ2217J			7,8	7,0	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

C.B. Anh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 39...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2121170614	Nguyễn Ngọc Quang	27/06/2003	CCQ2117R			6,9	6,6	6,7	
30	2123270134	Nguyễn Mạnh Quỳnh	22/12/2004	CCQ2327D		Quỳnh	7,2	4,5	5,6	
31	2120120168	Võ Thị Như	14/02/2002	CCQ2012E			0,0	Cần hỏi		
32	2121170141	Hà Quốc Tâm	14/07/2003	CCQ2117E		Tâm	7,7	7,4	7,5	
33	2122110002	Nguyễn Thanh Tâm	06/10/2003	CCQ2222A			0,0	Cần hỏi		
34	2123270117	Trịnh Dương Hoàng Tâm	06/01/2005	CCQ2327D		Tâm	8,8	8,5	8,6	
35	2123270108	Phạm Thị Thắm	09/11/2005	CCQ2327D		Thắm	8,4	7,5	7,9	
36	2122200231	Nguyễn Văn Thần	19/04/2004	CCQ2220G		Thần	8,0	7,0	7,4	
37	2122270100	Trần Thái Thành	05/10/2004	CCQ2227C		Thành	8,8	8,3	8,5	
38	2123270087	Nguyễn Thanh Thảo	24/07/2005	CCQ2327C		Thảo	7,0	6,5	6,7	
39	2121100023	Lê Hoàng Mai Thi	14/04/2003	CCQ2110A		Thi	7,0	5,5	6,1	
40	2123270082	Nguyễn Thị Kim Thoa	26/12/2005	CCQ2327C		Thoa	7,4	6,5	6,9	
41	2121110171	Trần Thanh Thương	11/05/2003	CCQ2111E		Thương	7,2	8,4	7,9	
42	2123270114	Nguyễn Thị Kiều Trâm	21/08/2005	CCQ2327D		Trâm	8,5	7,1	7,7	
43	2123270142	Trần Thị Thuý Trang	15/11/2005	CCQ2327D		Trang	8,1	8,4	8,3	
44	2121170171	Lê Quang Trường	31/05/2003	CCQ2117E			2,9			
45	2123270099	Nguyễn Thanh Tú	02/11/2005	CCQ2327C		Tú	7,5	7,4	7,4	
46	2123270097	Đinh Văn Tuấn	01/08/2005	CCQ2327C		Tuấn	6,9	4,6	5,5	
47	2122170129	Nguyễn Phan Anh Tuấn	24/01/2004	CCQ2217D		Tuấn	7,9	5,0	6,2	
48	2123270096	Vân Ngọc Hạ Vy	06/04/2005	CCQ2327C		Vy	8,8	7,8	8,2	
49	2123270105	Nguyễn Kim Xoan	29/06/2005	CCQ2327C		Xoan	8,2	8,4	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đ: 39
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

C. Hoàng

Môn học: Anh văn 3 (22401609)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 59

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: ...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123030035	Kiều Lê Duy	Bảo	18/04/2005	CCQ2303A		0,0	Cấm thi		
2	2122070004	Nguyễn Thiên	Bảo	30/06/2004	CCQ2207A		8,6	5,7	6,9	
3	2122060059	Hà Đức	Cang	06/02/2004	CCQ2206B		0,0	Cấm thi		
4	2122100139	Nguyễn Thị Hồng	Châu	15/12/2004	CCQ2210D		8,5	5,1	6,5	
5	2123120262	Phạm Thị Mỹ	Chi	26/04/2005	CCQ2312E		0,0	Cấm thi		
6	2122050115	Nguyễn Công	Đạt	12/01/2004	CCQ2226C		9,7	5,3	7,1	
7	2122260078	Mai Thanh	Diễn	03/04/2004	CCQ2226C		6,1	5,5	5,7	
8	2122170213	Nguyễn Tường Minh	Đức	12/10/2004	CCQ2217F		7,4	8,4	8,0	
9	2122070048	Trần Thị	Dung	22/04/2004	CCQ2207B		8,8	5,0	6,5	
10	2123130016	Võ Trà Mỹ	Duyên	25/02/2005	CCQ2313A		8,4	6,5	7,3	
11	2122130096	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	20/09/2003	CCQ2213C		7,6	7,3	7,4	
12	2122130069	Bùi Thu	Hiền	08/06/2004	CCQ2213C		0,0	Cấm thi		
13	2122210105	Nguyễn Nhật	Hoàng	15/06/2004	CCQ2221E		0,0	Cấm thi		
14	2122130080	Đỗ Gia	Huy	08/04/2004	CCQ2213C		9,4	8,3	8,7	
15	2122190060	Võ Khánh	Huyền	26/10/2004	CCQ2219B		7,7	7,6	7,6	
16	2123130022	Vũ Thị Thu	Huyền	31/01/2001	CCQ2313A		10,0	9,3	9,6	
17	2122070023	Trần Thị Như	Khuyến	16/08/2000	CCQ2207A		9,0	8,6	8,8	
18	2123110521	Nguyễn Hoàng	Lâm	27/01/2005	CCQ2311M		8,6	8,5	8,5	
19	2122070033	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	21/03/2004	CCQ2207A		6,6	5,5	5,9	
20	2122130090	Trần Thị Mỹ	Linh	07/03/2004	CCQ2213C		6,4	7,0	6,8	
21	2122100072	Tô Thị Phương	Loan	20/03/2004	CCQ2210B		6,1	5,9	6,0	
22	2122070017	Phan Hoàng	Long	18/01/2004	CCQ2207A		7,3	8,3	7,9	
23	2122100111	Lê Ngọc	Mai	07/02/2004	CCQ2210D		8,7	6,3	7,3	
24	2122130066	Nguyễn Thị Trà	My	15/05/2004	CCQ2213C		7,4	7,0	7,2	
25	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A		9,2	6,0	7,3	
26	2122210049	Trần Thanh	Ngân	18/05/2004	CCQ2221B		0,0	Cấm thi		
27	2122170086	Trần Trí	Nguyễn	03/10/2004	CCQ2217E		0,0	Cấm thi		
28	2122120058	Đặng Quỳnh	Như	21/01/2004	CCQ2212B		7,2	9,4	8,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401609)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi:/.....

Số tờ giấy thi:/.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122130070	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	23/03/2004	CCQ2213C		7,5	6,1	6,7	
30	2122070003	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	24/08/2004	CCQ2207A		5,9	6,0	6,0	
31	2122070046	Phạm Thị Kiều	Oanh	21/04/2004	CCQ2207B		6,3	7,5	7,0	
32	2121170461	Lê Văn	Phi	02/02/2003	CCQ2117N		0,0	Cấm thi		
33	2122100332	Hồ Thiên	Phúc	06/04/2004	CCQ2210F		10,0	9,2	9,5	
34	2122130109	Nguyễn Hoàng Ánh	Phương	14/07/2004	CCQ2213D		0,0	Cấm thi		
35	2122130063	Nguyễn Nhã	Phương	27/01/2004	CCQ2213D		9,4	8,9	9,1	
36	2122110070	Nguyễn Quốc Anh	Tài	30/08/2004	CCQ2211B		0,0	Cấm thi		
37	2123100005	Lê Thị Thu	Thảo	07/03/2004	CCQ2331B		10,0	9,6	9,8	
38	2122070016	Nguyễn Anh	Thư	16/02/2004	CCQ2207A		7,8	5,0	6,1	
39	2122270116	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/05/2004	CCQ2227D		8,1	8,0	8,0	
40	2122130064	Ngô Hoài	Thương	18/03/2004	CCQ2213D		7,9	8,1	8,0	
41	2122130065	Trần Nguyễn Phương	Trang	07/09/2004	CCQ2213D		7,0	8,3	7,8	
42	2122130029	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	29/05/2004	CCQ2213A		7,6	5,0	6,0	
43	2122200104	Lý Văn	Tuấn	26/11/2002	CCQ2220D		7,0	6,7	6,8	
44	2122170614	Hồ Văn	Tuyển	08/03/2004	CCQ2217P		6,8	5,7	6,1	
45	2122130074	Nguyễn Thị Quỳnh	Uyên	20/12/2004	CCQ2213C		8,2	5,7	6,7	
46	2122130083	Hà Thị Hoàng	Vân	19/11/2004	CCQ2213C		7,0	5,7	6,2	
47	2122060055	Long Quốc	Viên	17/06/2003	CCQ2206B		8,7	6,5	7,4	
48	2122070024	Lê Tấn	Vũ	05/02/2003	CCQ2207A		8,3	8,9	8,7	
49	2122130104	Mai Như	Ý	30/01/2004	CCQ2213D		7,5	8,6	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Đ: 35
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401610)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 36

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170073	Nguyễn Duy An	01/02/2004	CCQ2217B		An	7,2	5,2	6,0	
2	2123120715	Đỗ Tuấn Anh	19/05/2002	CCQ2312L		Anh	7,0	5,5	6,1	
3	2122170102	Võ Thành Công	29/11/2004	CCQ2217C		Con	7,1	5,7	6,3	
4	2123310017	Nguyễn Chí Cường	28/12/2003	CCQ2331A		Cường	7,4	8,8	8,2	
5	2123100099	Nguyễn Thu Diệu	25/09/2005	CCQ2310C		Diệu	6,3	5,1	5,6	
6	2123310005	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/05/2005	CCQ2331A		Dương	8,5	8,8	8,7	
7	2123310014	Nguyễn Thị Thùy Dương	24/10/2005	CCQ2331A		Dương	8,7	9,8	9,4	
8	2121130024	Não Nữ Thuýn Hoà	16/04/2002	CCQ2113A		Hoà	6,0	5,7	5,8	
9	2122030159	Phạm Mạnh Hùng	14/11/2002	CCQ2203E		Hùng	8,4	6,2	7,1	
10	2123310031	Hồ Đình Huy	29/03/2005	CCQ2331A		Huy	8,6	7,5	7,9	
11	2122030213	Nguyễn Văn Huy	20/03/2004	CCQ2203E		Huy	5,9	3,0	4,2	
12	2123100014	Nguyễn Anh Kiệt	03/11/2005	CCQ2310A		Kiệt	10,0	6,5	7,9	
13	2123100052	Đặng Phạm Yến Linh	09/06/2005	CCQ2310B		Linh	10,0	9,6	9,8	
14	2123100016	Trần Mai Phương Linh	23/07/2005	CCQ2310A		Linh	8,7	7,8	8,2	
15	2123310007	Lai Hoàng Kiều Mi	22/10/2004	CCQ2331A		Mi	7,5	7,6	7,6	
16	2122170179	Đặng Hiếu Nghĩa	20/10/2004	CCQ2217E		Nghĩa	7,8	6,2	6,8	
17	2123100046	Võ Hồng Ngọc	01/04/2005	CCQ2310B		Ngọc	9,3	7,4	8,2	
18	2123100066	Đặng Trường Nguyên	20/07/2005	CCQ2310B		Nguyên	10,0	10,0	10,0	
19	2121130023	Kiều Thị Hồng Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A		Nguyệt	4,4	0,0	1,8	
20	2122260052	Nguyễn Thị Thanh Nhân	30/11/2002	CCQ2226B		Nhân	7,5	7,6	7,6	
21	2123200036	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	13/08/1994	CCQ2320A		Như	10,0	9,8	9,6	
22	2123100013	Nguyễn Thị Quỳnh Như	29/11/2004	CCQ2310A		Như	10,0	9,8	9,9	
23	2123130010	Phạm Thị Hồng Như	25/01/2005	CCQ2313A		Như	9,3	7,5	8,2	
24	2123100295	Phan Thị Ngọc Niệm	01/01/2005	CCQ2310C		Niệm	10,0	10,0	10,0	
25	2122120074	Nguyễn Thị Phụng	22/10/2004	CCQ2212C		Phụng	7,5	5,8	6,5	
26	2122170188	Phạm Ngô Quyền	18/08/2004	CCQ2217E		Quyền	7,3	7,6	7,5	
27	2123130014	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	05/10/2005	CCQ2313A		Quỳnh	9,3	9,0	9,1	
28	2122110118	Vĩ Văn Sứ	25/04/2003	CCQ2211C		Sứ	10,0	8,8	9,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Giám viên chấm thi 1 Giám viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401610)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170040	Nguyễn Đức	Sự	CCQ2317B		<i>Pac Ba</i>	9,8	8,6	9,1	
30	2123170203	Lê Hùng	Thịnh	CCQ2314A			8,0			
31	2123310035	Phan Trường	Thịnh	CCQ2331B		<i>Phan Trường</i>	9,4	9,0	9,2	
32	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	CCQ2310A		<i>Lê Thị Kim</i>	10,0	10,0	10,0	
33	2123310008	Trịnh Lê Uyên	Thy	CCQ2331A		<i>Thy</i>	7,7	8,8	8,4	
34	2123130090	Vân Thị Huyền	Trần	CCQ2313B		<i>Vân Thị Huyền</i>	7,3	8,6	8,1	
35	2123110286	Nguyễn Hữu	Trí	CCQ2311H		<i>Trí</i>	8,7	6,9	7,6	
36	2121210047	Lê Anh	Tuấn	CCQ2121B			0,0	0,0	0,0	
37	2123100012	Nguyễn Thị Thanh	Vân	CCQ2310A		<i>Lê Thị Thanh</i>	10,0	8,8	9,3	
38	2123130006	Nguyễn Phan Kiều	Xa	CCQ2313A		<i>Xa</i>	9,2	7,3	8,1	